

HT. Thích Trí Tịnh

cúng dường, ý là ở nơi trì kinh là cúng dường. Không nói thọ trì vì đọc tụng, giải thuyết, biên chép đều là công hạnh của sự thọ trì, nên chẳng nêu riêng.

Nói công đức của Lục căn có sự không đồng như tám trăm hay một ngàn hai trăm. Kinh Lăng-nghiêm định Lục căn có hơn và kém. Văn rằng: *“Thế giới xen lẫn nhau có Tam thế Tứ phương (bốn phương ba đời) xoay vần chuyển động thành mười hai. Lưu biến ba lần, Lục căn công đức thành tựu có đến một ngàn hai trăm”*. Bởi vì lực dụng không đồng nhau, nên về nhãn căn có tám trăm là do phía sau mắt hoàn toàn tối. Tỷ căn thiếu sự giao tiếp trung gian. Thân căn chỉ biết trong tiếp xúc trực tiếp, bởi ba phần nói công còn một phần khuyết về đức. Thế nên nhãn, tỷ, và thân có tám trăm công đức. Kinh Lăng-nghiêm riêng lựa về viên căn, cho nên ước Lục căn đều đủ lực dụng không đồng.

Nay Kinh Pháp Hoa là chánh hiển bày thân bình thường do cha mẹ sinh ra, để trình bày quả báo trì kinh liền được Lục căn thanh tịnh, y cứ vào nhục thân hiện tại mà nói thanh tịnh, chẳng ở nơi

ưu liệt. Kinh kia nói công đức là nói công dụng của Lục căn. Ở đây nói công đức tức là nói trì kinh không ngoài Lục căn. Cho nên, mọi công đức trang nghiêm Lục căn đều được thanh tịnh là ý nói ở công đức trì kinh, nói “*đều được thanh tịnh*”. Tuy nhiên, thanh tịnh là nói tương đối, bởi nhục chất Lục căn thuộc thân vật lý đều cách ngại mà chẳng thông, chạy nhiễm theo Lục trần nên vốn chẳng thanh tịnh. Nay nói thanh tịnh là do công đức trì kinh, nên nói “*đều được thanh tịnh*”.

Hỏi: Kinh nói Lục căn thanh tịnh, đều nói rằng thân thịt hiện tiền do cha mẹ sinh ra có thể thấy và nghe suốt cả Tam thiên đại thiên thế giới. Sự đó khó tin, xin giải cho chỗ nghi này?

Đáp: Lý vốn như vậy, không có gì lạ. Tri kiến của chúng sinh vốn là Nhất chân Pháp giới, viên minh tâm thể, vô biên sát cảnh. Mười đời xưa nay không gì chẳng soi suốt, mảy may chẳng sót, đồng thể với mười phương chư Phật. Chính bởi vì một niệm vô minh ban đầu vọng động che chướng diệu minh. Do vậy, cảm kết thành ra thủy, hỏa, phong, thổ Tứ đại ngăn lấp làm cho lưu ngại nên cách biệt chẳng thông, để đến nỗi thấy chẳng siêu

HT. Thích Trí Tịnh

việt, sắc còn nghe chẳng ra khỏi âm thanh. Đây vốn là Tri kiến của chúng sinh.

Nay người trì kinh này, một niệm đốn ngộ bốn viên chân tâm. Cho nên nói: Một người phát hiện chân nguyên thì mười phương hư không đều tiêu mất, hưởng gì các quốc độ sinh ra ở trong hư không mà chẳng bị khai thông! Đây chính là trần tiêu giác tịnh (Lục trần tiêu vong thì giác tâm thanh tịnh), cho nên mười phương thế giới viên minh chiếu suốt. Còn nói "*Tam thiên*" là ước lượng để nói mà thôi. Nói "*thanh tịnh*" nghĩa là loại bỏ hết cấu nhiễm của Lục căn tiêu phục, là tên khác của hư không. Vì thành tựu từ nhục thân nên gọi là "*ngã*".

Vả lại, ngài Quán Âm nhĩ căn viên thông, sinh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền. Cho nên, ở trên thì cùng với mười phương chư Phật đồng một lòng từ, dưới thì cùng với Lục đạo chúng sinh chung một bi ngưỡng, đâu chỉ có Lục căn thanh tịnh mà thôi!

Kinh Thủ Lăng-nghiêm nói: "*Ngài A-na-luật-đà không có con mắt mà thấy, ngài Bạt-nan-đà không có lỗ tai mà nghe, nhân đến ngài Ca-diếp*

viên minh biết rõ chẳng do nơi tâm niệm, đây đều là nhục thân của cha mẹ sinh ra”.

Lãng-nghiêm lại nói: “*Không cần đến ánh sáng mà nó tự phát ra, thì những tướng tối không làm tối nó được*”. Căn và trần đã diệt, thì thế nào giác minh chẳng thành viên diệu! Đây là ảnh tượng Lục căn thanh tịnh. Vậy thì con mắt thấy Tam thiên đại thiên thế giới... không có gì lạ.

Chánh văn:

2. Thiện nam tử và thiện nữ nhân đó, nhục thân thanh tịnh của cha mẹ sinh ra, thấy khắp cõi Tam thiên đại thiên, trong ngoài có những núi, rừng, sông, biển, dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến cõi Trời Hữu Đảnh, cũng thấy tất cả chúng sinh trong đó và nghiệp nhân duyên quả báo, chỗ sinh ra thấy đều thấy biết.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

*Nếu người ở trong chúng
Dùng tâm không sợ sệt
Nói kinh Pháp Hoa này
Ông nghe công đức đó
Người đó đặng tám trăm*

HT. Thích Trí Tịnh

*Công đức thù thắng nhân
Do dùng đây trang nghiêm
Mắt kia rất thanh tịnh.
Mắt thịt cha mẹ sinh
Thấy cả cõi Tam thiên
Trong ngoài núi Di-lâu
Núi Tu-di, Thiết Vi
Và các núi rừng khác
Biển lớn nước sông ngòi
Dưới đến ngục A-tỳ
Trên đến Trời Hữu Đảnh
Chúng sinh ở trong đó
Tất cả đều thấy rõ
Dù chưa đặng thiên nhãn
Sức nhục nhãn như thế.*

Giải thích:

Đây là nói về công đức của nhãn căn thanh tịnh. Nói nhãn căn thanh tịnh thì sắc, trần, hư không đều không chướng ngại. Diệu thể hiện tiền thấy suốt cả Tam thiên đại thiên thế giới. Tất cả tâm niệm của chúng sinh, số lượng ... đều hiện cả trong tâm, ba đời hiện rõ, nên quả báo chỗ sinh ra

đều thấy biết. Kinh Lăng-nghiêm nói: “*Hành âm nếu hết, thì chúng sinh, sinh tử, nghiệp lực của chúng sinh xoay vần không gì không thấy, huông lại viên minh soi suốt ư!*”.

Trong kệ tụng nói “*dùng tâm không sợ sệt*”, đó là chân tâm chánh niệm chân như pháp. Dùng tâm này trì kinh cho nên công đức tự đầy đủ. Thật ra, viên minh chiếu Pháp giới, nay chỉ nói tám trăm công đức là chỉ căn cứ vào nhục thân mà nói thôi.

Núi “*Di-lâu*” dịch là Quang minh, tức là một trong Thất Kim Sơn vậy.

Chánh văn:

3. Lại nữa, Thường Tinh Tấn! Nếu người thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc biên chép, hoặc giải nói, đặng một nghìn hai trăm nhĩ công đức, dùng tai thanh tịnh đó, nghe khắp cõi Tam thiên, dưới đến địa ngục Vô Gián, trên đến Trời Hữu Đảnh, trong ngoài các thứ lời lẽ giọng tiếng.

Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trâu, tiếng khóc la, tiếng buồn than, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng chuông, tiếng linh, tiếng cười, tiếng nói, tiếng trai, tiếng gái, tiếng đồng tử, tiếng đồng nữ, tiếng pháp, tiếng phi pháp, tiếng khổ, tiếng vui, tiếng phàm phu, tiếng Thánh

HT. Thích Trí Tịnh

nhân, tiếng đấng ư, tiếng chẳng đấng ư, tiếng Trời, tiếng Rỗng, tiếng Dạ-xoa, tiếng Càn-thát-bà, tiếng A-tu-la, tiếng Ca-lâu-la, tiếng Khẩn-na-la, tiếng Ma-hầu-la-dà, tiếng lửa, tiếng nước, tiếng gió, tiếng địa ngục, tiếng súc sinh, tiếng ngựa quý, tiếng Tỳ-kheo, tiếng Tỳ-kheo-ni, tiếng Thanh văn, tiếng Bích-chi Phật, tiếng Bồ-tát, tiếng Phật.

Nói tóm đó, trong cõi Tam thiên đại thiên, tất cả trong ngoài các thứ tiếng, dù chưa đặng thiên nhĩ dùng tai tầm thường thanh tịnh của cha mẹ sinh, thấy đều nghe biết, phân biệt các thứ tiếng tầm như thế, mà chẳng hư nhĩ căn.

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

*Tai cha mẹ sinh ra
Trong sạch không đục như
Dùng tai thường này nghe
Cả tiếng cõi Tam thiên.
Tiếng voi, ngựa, trâu, xe
Tiếng chung, linh, loa cổ
Tiếng cầm, sắc, không hầu
Tiếng ống tiêu, ống địch
Tiếng ca hay thanh tịnh
Nghe đó mà chẳng ham.*

Tiếng vô số giống người
Nghe đều hiểu rõ đặng
Lại nghe tiếng các Trời
Tiếng ca rất nhiệm mầu
Và nghe tiếng trai, gái
Tiếng đồng tử, đồng nữ
Trong núi sông hang hiểm
Tiếng Ca-lăng-tần-dà
Cộng mạng các chim thảy
Đều nghe tiếng của nó.
Địa ngục các đau đớn
Các thú tiếng độc khổ
Ngạ quỷ đói khát bức
Tiếng tìm cầu uống ăn
Các hàng A-tu-la
Ở nơi bên biển lớn
Lúc cùng nhau nói năng
Vang ra tiếng tăm lớn
Như thế người nói pháp
An trụ ở trong đây
Xa nghe các tiếng đó
Mà chẳng hư nhĩ căn.
Trong cõi nước mười phương

HT. Thích Trí Tịnh

Cầm thú kêu hô nhau
Người nói kinh Pháp Hoa
Ở đây đều nghe đó.
Trên các Trời Phạm Thiên
Quang Âm cùng Biến Tịnh
Nhấn đến Trời Hữu Đảnh
Tiếng tụng của kia nói
Pháp sư ở nơi đây
Thảy đều đặng nghe đó.
Tất cả chúng Tỷ-kheo
Và các Tỷ-kheo-ni
Hoặc đọc tụng kinh điển,
Hoặc vì người khác nói
Pháp sư ở nơi đây
Thảy đều đặng nghe đó.
Lại có các Bồ-tát
Đọc tụng nơi kinh pháp
Hoặc vì người khác nói
Soạn tập giải nghĩa kinh
Các tiếng tụng như thế
Thảy đều đặng nghe đó.
Các Phật đấng Đại Thánh
Giáo hóa hàng chúng sinh

Ở trong các đại hội
Diễn nói pháp nhiệm mầu
Người trì Pháp Hoa này
Thấy đều đặn nghe đó.
Cõi Tam thiên đại thiên
Các tiếng tằm trong ngoài
Dưới đến ngục A-tỳ
Trên đến Trời Hữu Đảnh
Đều nghe tiếng tằm kia
Mà chẳng hư nhĩ căn.
Vì tai kia sáng lẹ
Đều hay phân biệt biết
Người trì kinh Pháp Hoa
Dù chưa đặn thiên nhĩ
Chỉ dùng tai sinh ra
Công đức đã như thế.

Giải thích:

Đoạn này nói về công đức thanh tịnh của nhĩ căn.

Ngài Phổ Hiền tâm nghe thấu mười phương. Nay người trì kinh đã ngộ được diệu tâm thì mười phương đều rỗng rang nghe rõ không có chướng

HT. Thích Trí Tịnh

ngại. “*Lời nói hữu lý*” là tiếng pháp, “*lời nói phi lý*” là tiếng phi pháp.

Trong kệ tụng có câu “*soạn tập giải nghĩa kinh*” là chưa có lời (phát ra tiếng) mà đã nghe được, vì người này do tư duy mà biết, nên ta dùng bất tư nghì mà nghe. Đó chính là tâm nghe.

Trong kệ tụng nói “*đều hay phân biệt biết*” tức không riêng nghe âm thanh mà thôi. Đây là sự vi diệu của Nhĩ căn viên thông.

Chánh văn:

4. Lại nữa, Thường Tinh Tấn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, trọn nên tám trăm tỷ công đức, dùng tỷ căn thanh tịnh đó nghe khắp cõi Tam thiên đại thiên, trên dưới trong ngoài các thứ mùi: mùi bông Tu-mạn-na, mùi bông Xà-đề, mùi bông Mạt-lợi, mùi bông Chiêm-bạc, mùi bông Ba-la-la, mùi bông sen đỏ, mùi bông sen xanh, mùi bông sen trắng, mùi cây có bông, mùi cây có trái, mùi chiên đàn, mùi trầm thủy, mùi Đa-ma-la-bạt, mùi Đa-dà-la đến nghìn muôn thứ hòa lộn, hoặc là bột, hoặc là viên, hoặc là hương xoa, người trì kinh này ở trong đây đều có thể phân biệt.

Và lại rõ biết mùi chúng sinh: mùi voi, mùi ngựa, mùi

dê, trâu v.v... mùi trai, mùi gái, mùi đồng tử, mùi đồng nữ và mùi cỏ cây lùm rừng, hoặc gần, hoặc xa, bao nhiêu thứ mùi có ra, thảy đều đặn nghe rõ biết chẳng lầm.

Người trì kinh này dù ở nơi đây cũng nghe mùi trên các cõi trời: mùi cây Ba-lợi-chất-đa-la, cây Câu-bệ-đà-la, cùng mùi bông Mạn-đà-la, bông Đại Mạn-đà-la, bông Mạn-thù-sa, bông Đại Mạn-thù-sa, mùi gỗ chiên đàn, trầm thủy, các thứ hương bột, mùi các hoa đẹp. Các thứ hương trời như thế hòa hợp thoảng ra mùi thơm đều nghe biết.

Lại nghe mùi nơi thân của các vị Trời: mùi của Thích Đề Hoàn Nhân lúc ở trên thắng điện năm món dục vui chơi, hoặc mùi lúc ở trên diệu pháp đường vì các vị trời Đao-lợi nói pháp, hoặc mùi lúc dạo chơi trong vườn cùng mùi nơi thân của các vị Trời nam nữ khác, thảy đều xa nghe biết. Xoay vẫn như thế hẳn đến Trời Phạm Thế, trên đến mùi nơi thân các vị Trời Hữu Đảnh cũng đều nghe biết.

Và nghe mùi hương của các vị Trời đốt và mùi Thanh văn, mùi Bích-chi Phật, mùi Bồ-tát, mùi nơi thân các đức Phật, cũng đều xa nghe biết chỗ ở của đó. Dù nghe biết hương ấy, nhưng nơi tỷ căn không hư không sai, nếu muốn phân biệt vì người khác nói, ghi nhớ không lầm.

HT. Thích Trí Tịnh

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Người đó mũi thanh tịnh

Ở trong thế giới này

Hoặc vật thơm hoặc hôi

Các thứ đều nghe biết.

Tu-mạn-na-xà-đề

Đa-ma-la, chiên đàn

Trầm thủy và mùi quế

Mùi các thứ bông trái

Và mùi các chúng sinh:

Mùi nam tử, nữ nhân

Người nói pháp ở xa

Nghe mùi biết chỗ nào.

Đại thế Chuyển Luân Vương

Tiểu Chuyển Luân và con

Bầy tôi, các cung nhân

Nghe mùi biết chỗ nào.

Đại thế Chuyển Luân Vương

Tiểu Chuyển Luân và con

Bầy tôi, các cung nhân

Nghe mùi biết chỗ nào.

Trần bảo đeo nơi thân

Cùng tạng báu trong đất
Bửu nữ của Luân Vương
Nghe hương biết chỗ nào.
Mọi người đồ nghiêm thân
Y phục và chuỗi ngọc
Các thứ hương xoa thân
Nghe mùi biết thân kia.
Các Trời hoặc đi, ngồi
Dạo chơi và thần biến
Người trì Pháp Hoa này
Nghe mùi đều biết đặng.
Các cây bông trái hạt
Và mùi thơm dầu tô
Người trì kinh ở đây
Đều biết ở chỗ nào.
Các núi, chỗ sâu hiểm
Cây chiên đàn nở hoa
Chúng sinh ở trong đó
Nghe mùi đều biết đặng.
Núi Thiết Vi, biển lớn
Các chúng sinh trong đất
Người trì kinh nghe mùi
Đều biết đó ở đâu.

Trai gái A-tu-la
Và quyến thuộc của chúng
Lúc đánh cã, dạo chơi
Nghe hương đều biết đặng.
Đồng trống, chỗ hiểm trở
Sư tử, voi, hùm, sói
Bò rừng, trâu nước thảy
Nghe hương biết chỗ ở.
Nếu có người ghen chửa
Chưa rõ trai hay gái
Không cần và phi nhân
Nghe mùi đều biết đặng.
Do vì sức nghe mùi
Biết người mới ghen chửa
Thành tựu hay chẳng thành
An vui để con phước.
Do vì sức nghe mùi
Biết tâm niệm trai, gái
Lòng nhiễm dục, ngu, hờn
Cũng biết người tu hành
Các phục tàng trong đất
Vàng, bạc, các trân bảo
Đồ đồng chỗ đựng chứa

Nghe nói đều biết được
Các thứ chuỗi ngọc báu
Không ai biết giá mấy
Nghe mùi biết mắc rẻ
Chỗ sản xuất ở đâu.
Các thứ hoa trên trời
Mạn-đà, Mạn-thù-sa
Cây ba lợi chất đā
Nghe mùi đều biết được.
Các cung điện trên trời
Thượng, trung, hạ sai khác
Các hoa báu trang nghiêm
Nghe hương đều biết được.
Thắng điện, vườn, rừng trời
Các nhà diệu pháp đường
Ở trong đó vui chơi
Nghe mùi đều biết được.
Các Trời hoặc nghe pháp
Hoặc lúc hưởng Ngũ dục
Lại, qua, đi, ngồi, nằm
Nghe mùi đều biết được.
Thiên nữ mặc y phục
Hoa hương tốt trang nghiêm

HT. Thích Trí Tịnh

Lúc quanh khắp dạo chơi
Nghe mùi đều biết được.
Lần lựa lên như thế
Nhấn đến Trời Phạm Thế
Nhập thiền cùng xuất thiền
Nghe mùi đều biết được.
Trời Quang Âm, Biến Tịnh
Nhấn đến nơi Hữu Đảnh
Mới sinh và lui chết
Nghe hương đều biết được.
Các hàng Tỷ-kheo chúng
Nơi pháp thường tinh tấn
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Và đọc tụng kinh điển
Hoặc ở dưới rừng cây
Chuyên rỗng mà ngồi thiền
Người trì kinh nghe mùi
Đều biết ở tại đâu.
Bồ-tát chí bền chắc
Ngồi thiền hoặc đọc tụng
Hoặc vì người nói pháp
Nghe mùi đều biết được.
Nơi nơi chỗ Thế Tôn

Được mọi người cung kính
Thương chúng mà nói pháp
Nghe mùi đều biết được.
Chúng sinh ở trước Phật
Nghe kinh đều vui mừng
Đúng pháp mà tu hành
Nghe mùi đều biết được.
Dù chưa đặng vô lậu
Pháp sinh tử Bồ-tát
Mà người trì kinh đây
Trước đặng tướng mũi này.

Giảng giải:

Đoạn này nói về công đức thanh tịnh của nhĩ căn. “*Tu-mạn-na*” dịch là Thiện Nhiếp Ý. “*Chiêm-bặt*” dịch là Huỳnh Hoa, nhỏ mà thơm. “*Ba-la-la*” dịch là Huân Hoa. “*Đa-ma-la-bạt*” dịch là Hiên, Vô Cấu Hương. “*Đa-dà-la*” dịch là Mộc Hương. “*Mùi chúng sinh*” là thân chúng sinh có khí sắc huân tập riêng, dựa vào ý nói chung thôi. “*Ba-lợi-chất-đa-la*” là cây mọc trong vườn Trời Đế Thích. “*Câu-bệ-đà-la*” gọi là Đại Du Hý Địa Thọ, không hư hoại và xen tạp. Nói mùi hương của Thanh văn, Phật và Tứ Thánh, tức là Giới hương, Định hương,

HT. Thích Trí Tịnh

Huệ hương, Giải thoát hương, Giải thoát tri kiến hương, hương này không có hình sắc. Như vậy, tử căn có thể nghe được ư? Phải dùng tử căn thanh tịnh mới có thể nghe được, chỗ gọi là tâm không mới nghe được tánh hương.

Kệ tụng nói “*tạng báu ở trong đất*” và “*thai nghén nam nữ*” nghe mùi đều biết được. Lúc mới thọ thai liền biết thành tựu hay không thành tựu, lại tâm niệm nam nữ nhiễm dục, si khuể và bảo tạng kín ở trong đất, những chỗ chứa đựng vàng bạc trân bảo đồ đồng. Những trân bảo quý hay không quý, nghe hương thì có thể biết quý hay tiện và chỗ xuất xứ của nó. Phạm việc này tử căn làm sao biết được!

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Bồ-tát có mười loại trí rất vi tế thậm thâm, nếu không phải rộng rang cả Pháp giới thì không thể dùng để biện bác như đây*”. Nói tử căn thanh tịnh đó là nương nơi căn mà nói. Nhẫn đến chúng sinh ở trước Phật nghe pháp đều hoan hỷ, đúng như pháp mà tu hành, nghe hương đều có thể biết được. Đây nếu chẳng phải bình đẳng Pháp tánh thì không thể thấu rõ như vậy. Lỗ tai của nhục thân, tự nhiên Thật

tướng, không nhờ chứng pháp vô lậu mà sinh vậy (ý nói do nơi trí rộng suốt cả Pháp tánh).

Chánh văn:

5. Lại nữa Thường Tinh Tấn! Nếu có thiện nam tử cùng thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, đặng một nghìn hai trăm thiết công đức.

Những món hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc ngon, hoặc dở và các vật đáng chất ở trên lư²ời của người đó, đều biến thành vị ngon như vị cam lộ trên Trời, không món nào là chẳng ngon.

Nếu dùng thiết căn đó ở trong đại chúng nói pháp có chỗ diễn ra tiếng sâu mầu có thể vào tâm chúng, đều làm cho vui mừng sướng thích.

Lại các vị Thiên tử, Thiên nữ, các Trời Thích, Phạm, nghe tiếng tầm thâm diệu này diễn nói ngôn luận thứ đệ, thảy đều đến nghe. Và hàng Long, Long nữ, Dạ-xoa, Dạ-xoa nữ, Càn-thát-bà, Càn-thát-bà nữ, A-tu-la, A-tu-la nữ, Khẩn-na-la, Khẩn-na-la nữ, Ma-hầu-la-dà, Ma-hầu-la-dà nữ, vì để nghe pháp mà đều đến gần gũi cung kính cúng dường.

Và Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, quần thần, quyến thuộc, tiểu Chuyển

HT. Thích Trí Tịnh

Luân Vương, đại Chuyển Luân Vương, bảy báu, nghìn người con, cùng quyến thuộc trong ngoài, ngồi cung điện đồng đến nghe pháp.

Vì vị Bồ-tát này khéo nói pháp, nên hàng Bà-la-môn, Cư sĩ, nhân dân trong nước trọn đời theo hầu cúng dường. Lại các Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, các đức Phật thường ưa thấy người đó, người đó ở chỗ nào, các đức Phật đều xoay về phía đó nói pháp, người đó đều hay thọ trì tất cả Phật pháp, lại có thể nói ra tiếng pháp sâu mầu.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

*Người đó lười thanh tịnh
Trọn không thọ vị xấu
Người đó ăn uống chi
Đều biến thành cam lộ.
Dùng tiếng hay thâm tịnh
Ở trong chúng nói pháp
Đem các nhân duyên dụ
Dẫn dắt lòng chúng sinh
Người nghe đều vui mừng
Bày đồ cúng dường tốt.
Các Trời, Rồng, Dạ-xoa*

Cùng A-tu-la thấy
Đều dùng lòng cung kính
Mà đồng đến nghe pháp
Người nói kinh pháp đó
Nếu muốn dùng tiếng mẫu
Khắp cùng cõi Tam thiên
Tùy ý liền được đến.
Đại, tiểu Chuyển Luân Vương
Và nghìn con quyến thuộc
Chắp tay lòng cung kính
Thường đến nghe thọ pháp,
Các Trời, Rồng, Dạ-xoa
La-sát, Tỳ-xá-xà
Cũng dùng lòng vui mừng
Thường ưa đến cúng dường,
Phạm Thiên vương, Ma vương
Tự tại, Đại tự tại
Các chúng Trời như thế
Thường đến chỗ người đó.
Các Phật cùng đệ tử
Nghe người nói tiếng pháp
Thương nhớ giữ gìn cho
Hoặc lúc vì hiện thân.

HT. Thích Trí Tịnh

Giảng giải:

Đoạn này nói về công đức của thiết căn thanh tịnh. Lưỡi dựa vào sự nếm mùi vị, các vật dù ngon dở, đắng, rít, xấu, tốt... một khi vào trong lưỡi đều biến thành thượng vị, thuần thành cam lồ pháp vị. Đây là sự biết về ly vị (ý rằng: ở đây thuộc về thoát căn ly trần mà có ra tánh biết). Vấn đề thuyết pháp thì trong Tứ chúng, chư Thiên, Bát bộ, người thuộc ngũ chúng đều đến nghe pháp, trọn đời cúng dường. Còn đối với Tứ Thánh: Thanh văn, Bích-chi, Bồ-tát, chư Phật thường ưa thấy người đó. Hơn nữa cảm ứng đến chư Phật nên các Ngài đều hướng về người đó thuyết pháp, người ấy nghe rồi có thể thọ trì tin nhận. Đây là Pháp thân của chư Phật nhập vào tự tánh của mình, tự tánh của mình cùng hòa hợp với tánh Như Lai.

Đây là lý do có thể xuất ra thâm diệu pháp âm. Kệ tụng nói chư Phật thường nhớ nghĩ, giữ gìn và hiện thân nghĩa là diệu kế với Pháp thân.

Chánh văn:

6. Lại nữa Thường Tinh Tấn! Nếu có thiện nam tử cùng thiện nữ nhân thọ trì, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc

giải nói, hoặc biên chép đặng tám trăm thân công đức, đặng thân thanh tịnh như lưu ly sạch chúng sinh ưa thấy. Vì thân đó trong sạch nên chúng sinh trong cõi Tam thiên đại thiên, lúc sinh lúc chết, trên dưới, tốt xấu, sinh chỗ lành, chỗ dữ v.v... đều hiện rõ trong đó.

Và núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Di-lâu, núi Đại Di-lâu v.v... các núi cùng chúng sinh ở trong đó đều hiện rõ trong thân, dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến Trời Hữu Đảnh cảnh vật cùng chúng sinh đều hiện rõ trong thân. Hoặc là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cùng chư Phật nói pháp đều hiện sắc tượng ở trong thân.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Nếu người trì Pháp Hoa
Thân thể rất thanh tịnh
Như lưu ly sạch kia
Chúng sinh đều ưa thấy.
Lại như gương sáng sạch
Đều thấy các sắc tượng
Bồ-tát nơi tịnh thân
Thấy cả vật trong đời
Chỉ riêng mình thấy rõ
Người khác không thấy được.

HT. Thích Trí Tịnh

Trong cõi nước Tam thiên
Tất cả các chúng sinh
Trời, người, A-tu-la,
Địa ngục, quỷ, súc sinh
Các sắc tượng như thế
Đều hiện rõ trong thân.
Cung điện của các Trời
Nhấn đến Trời Hữu Đảnh
Núi Thiết Vi, Di-lâu
Núi Ma-ha Di-lâu
Các biển nước lớn thảy
Đều hiện ở trong thân.
Các Phật cùng Thanh văn
Phật tử, Bồ-tát thảy
Hoặc riêng, hoặc tại chúng
Nói pháp thảy đều hiện.
Dù chưa đặng diệu thân
Pháp tánh sạch các lậu
Dùng thân thanh tịnh thường
Tất cả hiện trong đó.

Giải thích:

Đoạn này nói về công đức của thân căn

thanh tịnh. Do vì thân thanh tịnh như lưu ly nên chúng sinh ưa thấy. Chúng sinh trong cõi sinh tử thiện, ác, báo sinh chỗ nào, hình sắc trong Tam giới, Tứ Thánh thể dụng... tất cả đều hiển hiện trong thân như gương hiện rõ ảnh tượng.

Ngài Tịch Âm có dẫn chứng ngài Phật ĐỒ Trưng ở đời Tùy Tấn, vốn là người Thiên Trúc, và o năm Vĩnh Gia thứ Tư, Ngài đến thành Lạc Dương tự nói mình hơn trăm tuổi, một bên bụng của Ngài có cái lỗ, lấy cái nút bằng tơ đậy lại, ban đêm tụng kinh rút cái nút đó ra, ánh sáng chiếu sáng cả thất. Lại thường khi sắp đi thọ trai, Ngài đến bể nước, từ trong cái lỗ ấy kéo ra ruột và bao tử rửa sạch rồi nhét trở vào trong bụng, lấy dầu thoa tay, gọi Đồng tử đến nhìn, Đồng tử kinh sợ nói: Trong ấy có quân mã. Bởi chiếu thấy Thạch Thị bắt Lưu Diệu (tên của hai ông vua ở hai nước), tính ra thì hai chỗ khác nhau hơn ngàn dặm. Đây cũng là thân thường của cha mẹ sinh ra. Kệ tụng nói:

Bồ-tát nơi tịnh thân
Thấy cả vật trong đời
Chỉ riêng mình thấy rõ
Người khác không thấy được.

HT. Thích Trí Tịnh

Đây chính trong kinh Lăng-nghiêm gọi là một người phát minh chân tính sẵn có của chính mình, trở về cội nguồn chân tâm thanh tịnh, mười phương hư không thấy đều tiêu tan, quốc độ trong hư không thấy đều chấn liệt. Đây là phát hiện chân tâm thì được thấy, còn người khác không thể thấy được.

Chánh văn:

7. Lại nữa Thường Tinh Tấn! Sau khi đức Như Lai diệt độ, nếu có người thiện nam tử cùng thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép thời đặng một nghìn hai trăm ý công đức.

Dùng ý căn thanh tịnh đó nhắm đến nghe một kệ, một câu suốt thấu vô lượng vô biên nghĩa, hiểu nghĩa đó rồi, có thể diễn nói một câu, một kệ đến một tháng, bốn tháng nhắm đến một năm. Các pháp nói ra tùy nghĩa thú kia đều cùng thật tướng chẳng trái nhau.

Nếu nói kinh sách trong đời, lời lẽ trị thế, nghề nghiệp nuôi sống v.v... đều thuận chánh pháp. Sáu đường chúng sinh trong cõi Tam thiên đại thiên, lòng nghĩ tưởng, lòng động tác, lòng hý luận, thấy đều biết đó.

Dù chưa đặng trí huệ vô lậu mà ý căn thanh tịnh như thế người đó có suy nghĩ, tính lường, nói năng những chi thời đều là Phật pháp cả, không có gì là

chẳng chân thật, cũng là lời trong kinh của các Phật
thuở trước nói.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà
nói kệ rằng:

*Ý người đó thanh tịnh
Sáng lanh không đục nhờn
Dùng ý căn tốt đó
Biến pháp: thượng, trung, hạ
Nhấn đến nghe một kệ
Thông đạt vô lượng nghĩa
Thứ đệ nói đúng pháp
Tháng, bốn tháng, đến năm.
Trong ngoài của cõi này
Tất cả các chúng sinh
Hoặc Trời, Rồng và người
Dạ-xoa, quỷ thần thấy
Kia ở trong sáu đường
Nghĩ tưởng bao nhiêu điều
Phước báu trì Pháp Hoa
Đồng thời thấy đều biết.
Vô số Phật mười phương
Trăm phước tướng trang nghiêm*

HT. Thích Trí Tịnh

Vì chúng sinh nói pháp
Đều nghe hay thọ trì.
Suy gẫm vô lượng nghĩa
Nói pháp cũng vô lượng
Sau trước chẳng quên lộn
Bởi thọ trì Pháp Hoa
Trọn biết các pháp tướng
Theo nghĩa rõ thứ đệ
Suốt danh tự ngữ ngôn
Như chỗ biết diễn nói.
Người đó có nói ra
Là pháp của Phật trước
Vị diễn nói pháp này
Ở trong chúng không sợ.
Người trì kinh Pháp Hoa
Ý căn tịnh như thế
Dù chưa đặng vô lậu
Trước có tướng dường ấy.
Người đó trì kinh này
An trụ bậc hy hữu
Được tất cả chúng sinh
Vui mừng mà mến kính.
Hay dùng nghìn muôn ức

Lời lẽ rất hay khéo
Phân biệt mà nói pháp
Bởi trì kinh Pháp Hoa.

Giải thích:

Đoạn này nói về công đức của ý căn thanh tịnh. Do ý căn thanh tịnh nên lia các suy lường phân biệt, thế nên ở nơi một bài kệ, một câu kinh đạt được vô lượng nghĩa. Do vì thâm đạt Thật tướng mà nói kinh thư của thế tục, những lời lẽ trị thế, các nghề nghiệp nuôi sống... đều thuận theo chánh pháp. Như cơ duyên của Cổ đức (các công án), Lô Lãng mễ (giá gạo ở Lô Lãng), ba cân gai, que cứt khô, cây bá thọ ở trước sân, đi rửa bát đi... mỗi mỗi như đây đều là ý căn thanh tịnh. Vì vậy, nêu lên để chỉ bày nghĩa hưởng thượng đệ nhất.

Lục đạo chúng sinh, tâm của họ động tác đều có thể biết được, vì tâm người này biến khắp mười phương, đồng nhất thể. Chỗ người này nói ra đều là pháp của chư Phật đời trước, do đạt được trí huệ của chư Phật. Người trì kinh Pháp Hoa này an trụ bậc hy hữu, tổng nói Lục căn thanh tịnh như đây là hy hữu địa.

Đây là nói *ngộ Phật tri kiến*. Từ phẩm An Lạc Hạnh là bắt đầu của diệu ngộ, còn phẩm Thọ Lượng là rốt sau của diệu ngộ nên so sánh chia ra công đức trì toàn kinh. Nhẫn đến được Lục căn thanh tịnh mới là sự thật của diệu ngộ. Nhưng đối với Lục căn thuộc nhục thân do cha mẹ sinh ra, trong kinh Lăng-nghiêm nói rằng: “*Lúc thức ấm đã hết, như trong tịnh lưu ly hàm chứa mặt nguyệt báu. Do vậy, Lục căn dung thông viên chiếu Pháp giới*”. Đó đều là chưa hết sự trói buộc của quả báo, tức là nơi nhục thân mà nói diệu ngộ khai phát như đây. Do đây mà biết, diệu ngộ của trì kinh, đầu mối của thức phá hết, phân biệt tình vong, nên mỗi mỗi viên minh thanh tịnh Thật tướng.

Đây là pháp nhĩ như nhiên, vốn sáng ở trong tâm chẳng phải cầu bên ngoài. Thế nên, từ trước chư Tổ diệu ngộ tự tâm đều biết như trên, chỉ vì chẳng muốn hiển lộ sợ làm mê hoặc thế gian. Xem các vị Tổ đều có những việc lâm chung, phó chúc, thọ ký bí mật, không gì chẳng đúng như vậy, lấy đó mà chứng nghiệm.

Thế nên, ngài Thiên Thai Trí Giả đại sư diệu ngộ Pháp Hoa Tam-muội, thân thấy Linh Sơn, một

hội nghiệm nhiên thường còn, há chẳng phải là
kinh nghiệm của nhãn căn thanh tịnh ư?

*

HAI MƯỜI

Phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát

Ý có phẩm này là do ở trước đã nói về sự thù thắng của công đức trì kinh, nay chánh chỉ bày hạnh kiên trì. Đức Như Lai tự thuật thuở xưa lúc làm Bồ-tát, tên là Thường Bất Khinh. Do trì diệu pháp này, chỉ lấy Phật tuệ bình đẳng giáo hóa chúng sinh. Nhẫn đến gặp nhiều sự hủy nhục, mà tuyệt không có một tâm niệm nhằm chán lười mỗi, nên hôm nay được quả Bồ-đề. Đây là hiệu nghiệm của sự trì kinh. Do vì khuyến tấn hàng Nhị

thừa, nên tuân theo mô phạm này vào đời mạt pháp, những người trì kinh có thể không còn nhàm lo và tự không có tâm thối đọa.

Do vì ngộ được diệu pháp này là khó, đã ngộ rồi mà giữ gìn được càng khó hơn. Vả lại, ở trong đời ác hoằng truyền kinh này lại càng khó hơn nữa. Cho nên, đức Thế Tôn có ý lo lắng rất sâu xa mà dặn dò càng tha thiết. Sở dĩ tuân tự nói công đức hạnh trì kinh, từ phẩm Đề-bà-đạt-đa đến phẩm này đều thuyết minh sự “ngộ thủ” (việc ngộ và giữ gìn sự ngộ). Đến phẩm này mới tuân theo hạnh của Như Lai, sau mới tinh tấn hành trì đắc được Lục căn thanh tịnh mà thấy rõ chúng sinh, do vậy mà có phẩm này.

Trước sau các phẩm, văn tuy chẳng phải là một nhưng nghĩa lý thật là suốt một, tham cứu kinh văn tự được ý chỉ đó, đủ thấy ý của Như Lai thuyết pháp đó vậy.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Đắc Đại Thế Đại Bồ-tát rằng: “Ông nay nên biết! Nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào thọ trì kinh Pháp Hoa này đặng

HT. Thích Trí Tịnh

công đức như trước đã nói, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân cùng ý thanh tịnh, như có người nói lời thô ác mắng nhiếc, chê bai, mắc tội báo lớn cũng như trước đã nói”.

Giảng giải:

Đoạn này sắp sửa hiển bày sự lợi ích của người tinh tấn trì kinh Pháp Hoa. Trước hết, lập lại chỉ sự trì và hủy báng để cảnh sách cái tội hủy báng. Tội hủy báng như cuối phẩm Thí Dụ, cùng với phẩm Pháp Sư cũng đã nói. Phước đức của sự nghe và thọ trì, như phẩm Pháp Sư Công Đức đã nói. Sắp sửa trình bày sự tinh tấn trì kinh, mà trước hết lập lại để thuyết minh về sự tổn hại và lợi ích. Ý rằng, nếu người không khéo thọ trì, mà để cho người hủy báng thì mình cũng mang tội.

Pháp sư dù có thể khéo trì và được Lục căn thanh tịnh, mà không thể giáo hóa kẻ cường bạo kia, thì chỉ có tự lợi mà không lợi tha. Nay ngài Thường Bất Khinh đem Phật tánh, khắp thọ ký cho hàng Tứ chúng, làm cho hàng tăng thượng mạn đều chuyển tà tâm mà sinh chánh tín, thì tự mình cũng được Lục căn thanh tịnh, chỗ gọi là tự lợi và lợi tha hai hạnh đều được đầy đủ. Phật sắp nói về sự tinh trì (tinh thuần trì kinh), mà trước lập lại tội

phước, ý hiển bày trì kinh thì phải như ngài Thường Bất Khinh Bồ-tát mới trọn vẹn sự vi diệu của tinh trì vậy.

Ở đây, đức Phật bảo ngài Đắc Đại Thế mà nói, là do vị Bồ-tát này có sức nhẫn lớn vậy.

Chánh văn:

2. Đắc Đại Thế! Về thuở xưa quá vô lượng vô biên bất khả tư nghì vô số kiếp, có Phật hiệu là Oai Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Kiếp đó tên là Ly Suy, nước đó tên là Đại Thành. Đức Oai Âm Vương Phật trong đời đó vì hàng Trời, người, A-tu-la mà nói pháp, vì người cầu Thanh văn mà nói pháp Tứ đế, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, rốt ráo Niết-bàn; vì người cầu Bích-chi Phật mà nói pháp mười hai nhân duyên; vì các Bồ-tát nhân Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà nói sáu pháp Ba-la-mật rốt ráo trí huệ của Phật.

Đắc Đại Thế! Đức Oai Âm Vương Phật đó sống lâu bốn mươi vạn ức Na-do-tha Hằng hà sa kiếp, chánh pháp trụ ở đời kiếp số như vi trần trong một Diêm-phù-đề; tượng pháp trụ ở đời kiếp số như số vi trần trong bốn

HT. Thích Trí Tịnh

châu thiên hạ. Đức Phật đó lợi ích chúng sinh, vậy sau mới diệt độ. Sau khi chánh pháp, tượng pháp diệt hết, trong cõi nước đó lại có Phật ra đời, cũng hiệu là Oai Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, cứ thứ lớp như thế có hai muôn ức đức Phật đều đồng một hiệu.

Đức Oai Âm Vương Như Lai dù hết diệt độ rồi, sau lúc chánh pháp đã diệt trong đời tượng pháp những Tỷ-kheo tăng thượng mạn có thể lực lớn.

Bấy giờ, có vị Bồ-tát Tỷ-kheo tên Thường Bất Khinh

Giảng giải:

Đoạn này sắp nói đến người tinh trì (tinh thuần trì kinh). Trước nêu đức Phật của người đó phụng thờ. Đức Phật hiệu là Oai Âm Vương⁸.

⁸ Oai Âm Vương: ý nói rằng không cần làm cho người sợ, mà tự nhiên khi nghe đến tiếng của đức Phật đó là tự sợ.

Trong Tông môn gọi là Oai Âm Na Bạt: ý nói Oai thuộc về sắc. Âm là âm thanh, Na Bạt là ranh giới, biên giới. Vậy Oai Âm Na Bạt là ranh giới của sắc thanh. Nói Oai Âm Vương về trước là nói lúc chưa có sắc thanh, còn nói từ Phật Oai Âm Vương đến nay là nói đã có danh sắc.

Trước Oai Âm Vương là thuần chỉ cho thể tánh, sau Oai Âm Vương (có sắc thanh) thuộc về tướng dụng.

Đáng nể sợ là Oai Âm Vương, nghe tiếng mà khuất phục là Oai Âm; bất tất tác ý, mà người tự sợ nên gọi là Oai Âm Vương.

Bồ-tát an trụ nơi tịch diệt nhãn, lấy tâm bình đẳng đại bi khắp bố thí cho chúng sinh. Chúng sinh nghe đến tiếng tự khiếp sợ và kính phục. Cho nên đức Phật của Ngài thờ là Phật Oai Âm Vương, mà người ta gọi Ngài là Thường Bất Khinh, đây là đem tôn hạnh (hạnh được tôn trọng) để ban cho mọi người.

Nhờ an trú nơi tịch diệt nhãn, người và mình đều quên, trọn xa lìa hẳn ưu não, nên kiếp tên là Ly Suy. Chỉ lấy hạnh nhãn, nên không làm tổn hại, chỉ có lợi ích (việc gì cũng lợi ích), nên nước tên là Đại Thành. Đây là thưở không kiếp khi đức Phật mới thành đạo. Thế nên, ở Tông môn hướng thượng là Oai Âm Na Bạt.

Nay nói về trì kinh tinh thuần mà trước chỉ bày tội hủy báng, ý cho rằng chẳng thể trì kinh cho nên tổn tha vô ích. Trước có nói về bốn hạnh an lạc, tuy có thể giữ mình khỏi bị người đến hủy báng, chẳng gây những sự tổn hại cho người khác,

HT. Thích Trí Tịnh

nhưng không thể chuyển được người bất tín để cho họ vào nơi tín căn. Pháp sư trì kinh tuy có thể tự được Lục căn thanh tịnh, mà không làm cho người khác đồng vào, đây chỉ tự lợi, chẳng thể lợi tha, nên không phải là tinh trì.

Nay Bồ-tát Thường Bất Khinh dùng bình đẳng đại bi, Phật tánh chủng tử, khắp thọ ký cho hàng Tứ chúng, không chỉ an trụ nhân nhục đối với sự hủy báng nhục hại, mà còn có thể giáo hóa cho hàng tăng thượng mạn, chuyển tội làm phước. Đó mới là hạnh tinh tấn chân thật, có sức thế lực lớn, mới nói hết sự diệu dụng trì kinh. Vì vậy, đức Phật sắp hiển bày hạnh này, trước nêu sự tổn hại và lợi ích đều có thâm ý.

Chánh văn:

3. Đắc Đại Thế! Vì cớ gì tên là Thường Bất Khinh? Vì vị Tỷ-kheo đó phàm khi ngó thấy hoặc Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, hoặc Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, thấy đều lễ lạy khen ngợi mà nói rằng: "Tôi rất kính quý Ngài chẳng dám khinh mạn. Vì sao? Vì quý Ngài đều tu hành đạo Bồ-tát sẽ đặng làm Phật".

Giải thích:

Đoạn này nói về nhân duyên của ngài

Thường Bất Khinh. Nhân dùng Phật tánh khắp xem xét Tứ chúng. Cho nên, lễ bái tán thán xưng hành Bồ-tát đạo sẽ được làm Phật.

Đây là lấy tâm bình đẳng đại bi mà nhìn chúng sinh nên chẳng khinh nơi người vậy.

Chánh văn:

4. Mà vị Tỷ-kheo đó chẳng chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ đi lễ lạy, nhìn đến xa thấy hàng Tứ chúng, cũng cố qua lễ lạy ngợi khen mà nói rằng: "Tôi chẳng khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ làm Phật".

Giải thích:

Đoạn này nói không chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ thực hành hạnh lễ lạy, bởi kinh là thuyền bày Pháp thân Như Lai, là Phật tánh chủng tử. Nay dùng Phật tánh quán sát Tứ chúng thấy Pháp thân khắp ở trong thân họ. Đây là chân kinh chính ở nơi người mà chẳng phải ở nơi giấy mực văn tự. Đó mới là chân thật trì kinh.

Chánh văn:

5. Trong hàng Tứ chúng có người lòng bất tịnh sinh giận hờn buông lời ác mắng nhiếc rằng: "Ông Vô Trí Tỷ-kheo này từ đâu đến đây tự nói ta chẳng khinh Ngài,

HT. Thích Trí Tịnh

mà thọ ký cho chúng ta sẽ đặng làm Phật, chúng ta chẳng dùng lời thọ ký hư dối như thế”.

Trải qua nhiều năm như vậy, thường bị mắng nhiếc chẳng sinh lòng giận hờn, thường nói: “Ngài sẽ làm Phật”. Lúc nói lời đó, chúng nhân hoặc lấy gậy cây, ngói đá để đánh ném. Ông liền chạy tránh đứng xa mà vẫn to tiếng xưng rằng: “Ta chẳng dám khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ thành Phật”. Bởi ông thường nói lời đó, nên hàng tăng thượng mạn Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di gọi ông là Thường Bất Khinh.

Giải thích:

Đoạn này nói rõ cái nhân được gọi tên là Thường Bất Khinh. Mắng nhiếc mà không sân hận, đánh ném mà chẳng oán ghét, còn thường tự to tiếng thọ ký nguyện cho người được làm Phật. Đây chính là an tâm tịch diệt, người và mình cả hai đều quên, tốt ở nơi vô ngã đó vậy. Cho nên, lâu ngày mà chẳng thối chuyển. Chính ở nơi Tứ chúng xiển đề và mọi người đều khởi tín căn. Chẳng phải như đây thì không đủ sức giáo hóa kẻ cường bạo. Vì thế nên mọi người xưng hiệu cho Ngài là Thường Bất Khinh.

Thật cao lớn thay! Ý Phật rất sâu vi diệu như

đây là thí dụ vậy.

Ban đầu, hàng Nhị thừa chẳng nghe kinh này, tuyệt không có phần thành Phật. Pháp thân huệ mạng có đủ trong kinh này, nên nói trong đây đã có toàn thân đức Như Lai. Hàng Nhị thừa khi đã nghe kinh này đều được thọ ký thành Phật. Phật pháp do con người truyền bá, nếu không có người hoằng truyền thì huệ mạng dứt tuyệt. Vì vậy, điều quan trọng là người trì kinh. Vả lại, đời ác khó trì, không khéo trì thì khiến cho người chẳng tin mà sinh hủy báng, như thế đã không được lợi ích mà còn tổn hại. Trì kinh như đây rất khó nên khó có người đảm đương. Thế nên, Phật thuyết bốn hạnh an lạc để dạy phương pháp trì kinh, không để cho người ta hủy báng, lại còn làm cho người có thể trì kinh đó, phải nên cúng dường như đức Phật. Đó là Phật tánh huệ mạng chính ở nơi người trì kinh, mà chẳng phải ở nơi kinh, chỗ gọi là: *“Người còn thì chánh sự được nêu bày”*. Thế nên, người năng trì liền được lợi ích là Lục căn thanh tịnh, đây mới là tự lợi mà chẳng hay lợi tha, chỉ năng trì mà chẳng năng hoằng.

Ngài Thường Bất Khinh Bồ-tát chẳng chuyên tụng kinh, chỉ thực hành lễ bái, đem chúng tử Phật

HT. Thích Trí Tịnh

tánh khắp thọ ký cho hàng Tứ chúng. Đây chính là Phật tánh ở trong khắp mọi người mà chẳng riêng ở nơi người trì kinh. Do vậy, có thể chuyển tà tâm của họ, giáo hóa từ con người hung bạo sinh chánh tín, thủy đều do nơi trồng các nhân thành Phật.

Như đây mới gọi là tận cùng bản hoài “thiệt thế lợi sinh” của Như Lai. Xem nơi nghĩa sâu xa như vậy, lời nói xảo diệu kia, chẳng những bốn mươi năm trước là giáo lý phương tiện, mà chính trong một hội Pháp Hoa, đặc biệt những sự kiện này vẫn còn là phương tiện, kín đáo nhỏ nhặt, lần lần dẫn dắt, đến đây mới hiển phát được cùng tột. Đây há kẻ thường tình xem tường được!

Người xem kinh mà chẳng thấy được Phật tâm, lại dùng văn tự, biện tài, làm nhiều đó tức là cô phụ tâm từ bi sâu xa của đức Như Lai, đâu nên chẳng cảnh tỉnh được đó ư?

Chánh văn:

6. Vị Tỷ-kheo đó lúc sắp chết, nơi giữa hư không nghe trọn hai mươi nghìn muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa của đức Oai Âm Vương Phật đã nói thưở trước, nghe xong đều có thể thọ trì, liền đặng nhãn căn thanh tịnh, nhĩ, tỷ, thiệt, thân cùng ý căn thanh tịnh như trên. Đặng

sáu căn thanh tịnh đó rồi lại sống thêm hai trăm muôn ức Na-do-tha tuổi, rộng vì người nói kinh Pháp Hoa đó.

Giải thích:

Đoạn này nói ngài Thường Bất Khinh nghe kinh được lợi ích tự lợi. Nói “*sắp chết*” là hiển bày ý khi chưa nghe kinh, chưa được huệ mạng. Nói “*nơi giữa hư không nghe trọn kinh Pháp Hoa của đức Oai Âm Vương Phật đã nói thưở trước*” là muốn nói kinh này từ nơi “Chân không Pháp giới” lưu xuất ra. Nói “*hai mươi nghìn muôn ức bài kệ*” ý là khi có đối đãi thì có hai. Do vì kinh này là tâm và cảnh, cả hai đều mất, là pháp ly tướng tịch diệt. Tâm và cảnh của chúng sinh mỗi loại là vô lượng, một khi nghe kinh này thì tất cả tâm và cảnh đều trở thành pháp tịch diệt. Thế nên, kinh này có hai mươi nghìn muôn ức bài kệ chưa phải là nhiều.

Nói “*đặng sáu căn thanh tịnh*” là hiển bày lợi ích của trì kinh. Nói tăng thọ mạng vì khi sắp lâm chung nghe kinh, nối được huệ mạng của Phật, bởi xứng tánh Pháp giới tịch diệt, nên được hai trăm muôn ức Na-do-tha tuổi. Vì xứng hợp với Pháp tánh mà diễn đạt, nên trọn đời nói kinh này.

HT. Thích Trí Tịnh

Chánh văn:

7. Lúc đó, hàng tăng thượng mạn Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, khinh tiện vị đó đặt cho tên "Bất Khinh", nay thấy vị đó đặng sức thần thông lớn, sức nhạo thuyết biện, sức đại thiện tịch, nghe vị đó nói pháp đều tin phục tùy tùng.

Vị Bồ-tát đó giáo hóa nghìn muôn chúng khiến trụ trong Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Giải thích:

Đoạn này nói về ngài Thường Bất Khinh do nghe pháp trì kinh chuyển được tà tâm, được lợi ích và lợi tha. Hàng tăng thượng mạn Tứ chúng sinh kia là những người đã khinh tiện ngài Thường Bất Khinh.

Trước kia đã khen ngợi danh hiệu của Ngài mà đặt cho mỹ danh là Bất Khinh, thì đó chẳng phải là hủy báng, biết chỗ đáng tôn trọng đó vậy. Nay thấy ngài Thường Bất Khinh được "*sức thần thông lớn*" tức là được Lục căn thanh tịnh. "*Sức nhạo thuyết biện*" tức là rộng nói kinh này. "*Sức đại thiện tịch*" là an trụ nơi tịch diệt nhĩn. Cho nên, họ đều tin phục tùy tùng, chẳng những không

khinh hủy mà còn quy hóa, vì do sức nhẫn của Thường Bất Khinh mà gây nên. Thế nên lại “*giáo hóa nghìn muôn chúng*” khiến an trụ Bồ-đề. Đây là hạnh lợi tha thấy được sự lợi ích của trì kinh.

Khi trước, đức Thế Tôn sắp nói diệu pháp mà có 5.000 người tăng thượng mạn lễ Phật lui ra, vậy mới biết những người này đến như Phật cũng không giáo hóa họ được. Nay gặp ngài Thường Bất Khinh mà cảm thọ sự giáo hóa như đây, chỗ gọi là thấy dung nhan của người có đức thì khiến cho ý của người thấy cũng tiêu. Đây là quý sự lợi ích của thân thể, ra sức thực hành có hơn ở nơi ngôn thuyết phân biệt.

Chánh văn:

8. Sau khi mạng chung đặng gặp hai nghìn ức Phật đều hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, ở trong pháp hội đó nói kinh Pháp Hoa này. Do nhân duyên đó lại gặp hai nghìn ức Phật đồng hiệu là Vân Tự Tại Đăng Vương, ở trong pháp hội của các đức Phật đó thọ trì, đọc tụng, vì hàng Tứ chúng nói kinh điển này, cho nên đặng mắt thanh tịnh thường trên đó, tai, mũi, lưỡi, thân cùng ý các căn thanh tịnh, ở trong bốn chúng nói pháp lòng không sợ sệt.

Đắc Đại Thế? Vị Thường Bất Khinh Đại Bồ-tát đó

HT. Thích Trí Tịnh

cúng dường bao nhiêu đức Phật như thế, cung kính tôn trọng ngợi khen, trồng các cội lành. Lúc sau lại gặp nghìn muôn ức Phật cũng ở trong pháp hội các đức Phật nói kinh điển này, công đức thành tựu sẽ đặng làm Phật.

Giảng giải:

Đoạn này nói về ngài Thường Bất Khinh trì kinh được lợi ích là gặp được chư Phật. Khi mạng chung lại gặp *“hai nghìn ức Phật đều hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh”*, nghĩa là an trụ nơi pháp tịch diệt, Phật tánh chủng tử huệ quang thường sáng như mặt trời, mặt trăng và đèn. Cho nên nói rằng *“ở trong pháp hội đó nói kinh Pháp Hoa”*.

Lại còn gặp *“hai nghìn ức Phật đồng hiệu là Vân Tụ Tại Đăng Vương”* nghĩa là diệu pháp như mây, khắp lợi ích quần sinh, huệ quang phá tối mà được đại tự tại.

Do vì được Lục căn thanh tịnh, dứt tuyệt các đối đãi (nhị nguyên) nên Ngài thuyết pháp vô úy. Cúng dường chư Phật đã nhiều, thiện căn đã sâu nên nói kinh này lâu dài mà chẳng mệt mỏi, sẽ được làm Phật vậy.

Chánh văn:

9. Đắc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao? Thường Bất Khinh Bồ-tát thuở đó đâu phải người nào lạ, chính là thân Ta. Nếu Ta ở đời trước chẳng thọ trì, đọc tụng kinh này, vì người khác giải nói đó, thời chẳng có thể mau đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì Ta ở chỗ các đức Phật thuở trước thọ trì, đọc tụng kinh này vì người khác nói, nên mau đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Giải thích:

Đoạn này nói tiền thân của ngài Thường Bất Khinh Bồ-tát là đức Phật Thích-ca. Do trì kinh đã lâu, nên mau chóng thành Phật, ý ở nơi khuyên gắng người tinh thuần trì kinh.

Chánh văn:

10. Đắc Đại Thế! Thuở đó bốn chúng: Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di do lòng giận hờn khinh tiện Ta, nên trong hai trăm ức kiếp thường chẳng gặp Phật, chẳng nghe pháp, chẳng thấy Tăng, nghìn kiếp ở địa ngục A-tỳ chịu khổ não lớn⁹. Hết tội đó rồi lại gặp Thường Bất Khinh Bồ-tát giáo hóa đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

⁹ Chẳng gặp Tam Bảo là do nghiệp chướng, đọa trong địa ngục là do khổ báo chướng.

Giảng giải:

Đây là nói lợi ích gặp lại Thường Bất Khinh giáo hóa. Hàng Tứ chúng sinh lòng giận ghét Thường Bất Khinh mà chẳng tin, nên chiêu cảm nỗi khổ 1.000 kiếp ở địa ngục. Lúc tội hết lại gặp Thường Bất Khinh giáo hóa thành Phật, chỗ gọi là nghe mà không tin cũng còn kết được nhân Phật chủng đó vậy.

Chánh văn:

11. Đắc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao? Bốn chúng thường khinh vị Bồ-tát thuở đó đâu phải người nào lạ, chính là nay trong hội này bọn ông Bạt-đà-bà-la năm trăm vị Bồ-tát, bọn ông Sư Tử Nguyệt năm trăm vị Tỷ-kheo, bọn ông Ni Sư Phật năm trăm Ưu-bà-tắc, đều bất thối chuyển ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Giảng giải:

Đoạn này nói về đại chúng trong hội hôm nay, chính là những người hủy báng pháp ngày xưa. Do lúc ban sơ hủy báng kinh Pháp Hoa, nên nay do nghe kinh này mà được khai ngộ, do vì Tứ chúng hiện tiền, há chẳng phải được lợi ích lớn?

Chánh văn:

12. Đắc Đại Thế! Phải biết kinh Pháp Hoa này rất lợi ích cho các vị Đại Bồ-tát, có thể làm cho đến nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho nên các vị Đại Bồ-tát, sau khi Phật diệt độ phải thường thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh này.

Giảng giải:

Đây là hiển kết sự lợi ích thù thắng để khuyến khích trì kinh. Trước nói về tội hủy báng kinh, chỉ nói khổ ở địa ngục Tam đồ, khi hết quả báo làm người mà trọn không được lợi ích, ý nói người không khéo trì kinh. Còn nói khiến cho người trọn chẳng tin đó, là chỗ huệ mạng bị đoạn tuyệt¹⁰. Nay nói người hủy báng tức cảm quả báo địa ngục, chịu khổ xong lại mong được giáo hóa. Đây là huệ mạng chẳng dứt, do lợi ích của sự khéo trì kinh, ý Phật là phải chịu khổ nhục như Thường Bất Khinh, rồi sau đó mới tinh trì¹¹, thế nên mới khuyên người khác thọ trì.

¹⁰ Các phẩm trước nói tội hủy báng bị đọa vào Tam đồ mà không nói đến lợi ích, do nơi người trì kinh không khéo, làm cho người khinh chê mà không hồi tâm nên chỉ có tội khổ. Như ngài Bất Khinh thì khéo nói khéo trì nên được lợi ích lớn.

¹¹ Tinh trì: Trì kinh như ngài Thường Bất Khinh mới gọi là tinh trì, còn theo nơi văn tự không phải là trì vậy.